

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Tư;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Trúc P**, sinh năm: 1996. Địa chỉ: **Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang** (xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông **Phạm Thanh Q**, sinh năm 1992. Địa chỉ: **Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang** (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 06/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Bùi Thị T P** trình bày:

Bà và ông **Phạm Thanh Q** tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn ngày 10/07/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông **Phạm Thanh Q** có người phụ nữ khác, hay nhậu nhẹt nên vợ chồng cự cãi thường xuyên và ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông **Phạm Thanh Q**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Phạm Bùi Khánh V**, sinh ngày 06/8/2018. Sau khi ly hôn bà **P** yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu ông **Q** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông **Phạm Thanh Q** vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Bùi Thị Trúc P**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bà **Bùi Thị Trúc P** có đơn xin xét xử vắng mặt, ông **Phạm Thanh Q** được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 02 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **Bùi Thị Trúc P**, ông **Phạm Thanh Q** theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà **Bùi Thị Trúc P** xin ly hôn với ông **Phạm Thanh Q** nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án bà **Bùi Thị Trúc P** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa. Ông **Phạm Thanh Q** vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Bùi Thị Trúc P** và ông **Phạm Thanh Q** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 10/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông **Phạm Thanh Q** có người phụ nữ khác, hay nhậu nhẹt nên vợ chồng cự cãi thường xuyên và ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án bà **Bùi Thị Trúc P** cương quyết xin ly hôn với ông **Phạm Thanh Q**. Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng không thành do ông **Phạm Thanh Q** vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **Bùi Thị Trúc P**.

3.2. Về con chung: Xét con chung đang sống với bà **Bùi Thị Trúc P**, cuộc sống, sinh hoạt đã ổn định và có nguyện vọng tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **Bùi Thị Trúc P**.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Bùi Thị Trúc P** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Bùi Thị Trúc P** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà **Bùi Thị Trúc P** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1, 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Bùi Thị Trúc P.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà **Bùi Thị Trúc P** ly hôn với ông **Phạm Thanh Q.**

2. Về con chung: Giao con chung tên **Phạm Khánh V**, sinh ngày 06/8/2018 cho chị **Bùi Thị Trúc P** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông **Phạm Thanh Q** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Bà **Bùi Thị Trúc P** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002539 ngày 08/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên bà **Bùi Thị Trúc P** đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã Thanh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Phúc

